

Số: 71

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 1 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội
- Mã chứng khoán : TNV
- Địa chỉ : Số 10B phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024-38572699
- Email : tnbike@thongnhat.com.vn
- Website : https://thongnhat.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
  - Báo cáo tài chính quý 1/2026:
    - ☒ Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
    - ☐ Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con);
    - ☐ Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);
  - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo kiểm toán (đối với Báo cáo kiểm toán được kiểm toán năm 2025):
    - ☐ Có ☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025):
    - ☐ Có ☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
    - ☒ Có ☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn: <https://thongnhat.com.vn>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Quý 1/2026
- Văn bản giải trình

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI**  
**UQCBTT**

(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Dinh Vũ Minh Việt*



# CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẬT HÀ NỘI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỐNG NHẤT HÀ NỘI**  
MST: 0100100424

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70 /TNV

"V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận trên BCTC  
năm nay so với cùng kỳ năm trước"

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

**Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (Mã chứng khoán: TNV)**

Nội dung giải trình: Chỉ tiêu 60 "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2025 là lỗ 376.495.940 đồng so với Chỉ tiêu 60 "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" của Quý 1 năm 2026 là lãi 3.778.509.236 đồng vì các nguyên nhân sau:

- Doanh thu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước.
- Kiểm soát tốt các chi phí đầu vào.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng và xin chân thành cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: P.NS. P.KT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đinh Vũ Minh Việt**



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026  
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>146.724.563.429</b>	<b>155.310.043.442</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.670.039.865</b>	<b>22.577.795.060</b>
1. Tiền	111		3.670.039.865	2.577.795.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>12.200.000.000</b>	<b>12.200.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		12.200.000.000	12.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.165.567.631</b>	<b>11.275.690.110</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.255.595.651	8.000.193.684
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.510.129.719	3.036.236.700
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	399.842.261	239.259.726
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>100.528.268.721</b>	<b>106.123.150.595</b>
1. Hàng tồn kho	141		100.528.268.721	106.123.150.595
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>4.160.687.212</b>	<b>3.133.407.677</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	13	2.862.200.941	393.946.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.146.205.347	2.416.402.718
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	15	152.280.924	323.057.967
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>199.892.510.945</b>	<b>196.869.835.412</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>366.600.000</b>	<b>366.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	366.600.000	366.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>72.831.922.501</b>	<b>59.410.212.746</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	70.381.972.517	56.765.105.259
- Nguyên giá	222		125.735.651.258	110.500.212.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.353.678.741)	(53.735.107.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.449.949.984	2.645.107.487
- Nguyên giá	228		3.230.520.000	3.230.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(780.570.016)	(585.412.513)
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>5.682.917.563</b>	<b>16.624.687.253</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		5.682.917.563	16.624.687.253
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>	<b>6</b>	<b>117.025.553.713</b>	<b>117.025.553.713</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		117.025.553.713	117.025.553.713
<b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>3.985.517.168</b>	<b>3.442.781.700</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	3.985.517.168	3.442.781.700
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)</b>	<b>280</b>		<b>346.617.074.374</b>	<b>352.179.878.854</b>

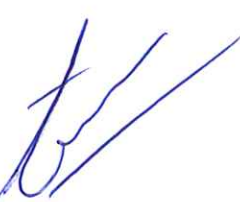
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>95.774.836.415</b>	<b>101.776.273.940</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.774.836.415</b>	<b>101.776.273.940</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	18.569.374.734	29.692.086.576
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.119.211.365	72.776.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	3.942.465.116	292.902.515
4. Phải trả người lao động	315		3.510.428.142	2.839.490.290
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	-	435.170.854
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	64.753.493	26.187.617
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	55.228.494.100	68.417.426.515
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.340.109.465	233.274
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>250.842.237.959</b>	<b>250.403.604.914</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.000.000.000	237.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.000.000.000	237.000.000.000
2. Thặng dư vốn	412		7.592.767	7.592.767
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.339.876.191	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.494.769.001	13.396.012.147
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		6.716.259.765	(20.002.749.763)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.778.509.236	33.398.761.910
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>346.617.074.374</b>	<b>352.179.878.854</b>



Trần Thành Trung  
Người lập



Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Quý 1 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2026	Quý 1 Năm 2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	86.589.096.296	28.200.493.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	29.467.365	8.236.968
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		86.559.628.931	28.192.256.457
4. Giá vốn hàng bán	11	22	72.834.292.655	22.626.581.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.725.336.276	5.565.674.810
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	156.101.147	74.347.617
8. Chi phí tài chính	23	24	604.779.058	936.271.979
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		604.779.058	936.271.979
9. Chi phí bán hàng	25	25	4.368.198.396	2.500.664.611
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	4.181.240.976	2.579.581.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21+22-(23+25+26))	30		4.727.218.993	(376.495.940)
11. Thu nhập khác	31	27	3.638.981	-
12. Chi phí khác	32	28	7.721.429	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.082.448)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.723.136.545	(376.495.940)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	944.627.309	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.778.509.236	(376.495.940)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	159	(16)

  
Trần Thành Trung  
Người lập

  
Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



  
Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2026 VND	Quý 1 Năm 2025 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.723.136.545	(376.495.940)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.813.728.933	1.371.290.549
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(156.101.147)	(74.347.617)
- Chi phí đi vay	06		604.779.058	936.271.979
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.985.543.389	1.856.718.971
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.448.903.107)	(3.242.933.056)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.594.881.874	(11.491.835.245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.174.215.168	6.383.610.950
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.010.989.417)	(81.560.096)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(677.482.485)	(936.271.979)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(198.520.351)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(226.797.285)	(794.822.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.808.052.214)	(8.307.092.705)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.066.871.713)	(1.739.284.516)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		156.101.147	74.347.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.910.770.566)	(1.664.936.899)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		23.833.726.297	30.290.872.802
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(37.022.658.712)	(31.714.688.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.188.932.415)	(1.423.816.063)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2026 VND	Quý 1 Năm 2025 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(18.907.755.195)	(11.395.845.667)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.577.795.060	13.469.348.268
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	3.670.039.865	2.073.502.601

Trần Thành Trung  
Người lập

Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 03 năm 2025, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 237.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 237.000.000.000 đồng; tương đương 23.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất xe đạp;
- Sản xuất xe có động cơ; sản xuất thân xe có động cơ; rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ; Sản xuất ô tô, xe máy.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

#### Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tại ngày 31/03/2026 số lao động tại Công ty là 152 người.

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 4 . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và nhân nhối nhất sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	595.785.185	644.826.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.074.254.680	1.932.968.102
<i>Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	897.220.074	1.413.723.889
<i>Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	2.167.469.689	518.209.088
<i>Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng khác</i>	9.564.917	1.035.125
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<b>3.670.039.865</b>	<b>22.577.795.060</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	12.200.000.000	12.200.000.000	12.200.000.000	12.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.200.000.000	12.200.000.000	12.200.000.000	12.200.000.000
	<u>12.200.000.000</u>	<u>12.200.000.000</u>	<u>12.200.000.000</u>	<u>12.200.000.000</u>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,8% - 5,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN  
Bảo cáo tài chính  
Quý 1 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	117.025.553.713	117.025.553.713	-	117.025.553.713	117.025.553.713	-
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt	117.025.553.713	117.025.553.713	-	117.025.553.713	117.025.553.713	-
	117.025.553.713	234.051.107.426	-	117.025.553.713	117.025.553.713	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2026 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2026		01/01/2026	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ GIỚI				
DI ĐỘNG	836.190.651	-	886.519.562	-
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	793.167.634	-	677.919.149	-
CÔNG TY TNHH XE ĐẠP				
THÀNH TRẠNH NB	667.229.057	-	667.229.057	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.959.008.309	-	5.768.525.916	-
	<u>12.255.595.651</u>	<u>-</u>	<u>8.000.193.684</u>	<u>-</u>

### **8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2026		01/01/2026	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
NINGBO YOUNGOR				
INTERNATIONAL	6.763.602.842	-	-	-
TRADE &				
TIANJIN TIANTAI	1.350.042.838	-	-	-
GARMENT I/E CO.,				
TIANJIN TEXTILE	1.304.694.831	-	-	-
GROUP IMPORT AND				
CÔNG TY TNHH				
THƯƠNG MẠI VÀ KỸ				
THUẬT OCEAN	1.187.999.970	-	-	-
TECH				
Hebei Tieniu Bicycle				
Industry Co., Ltd.	534.351.133	-	-	-
SHIMANO				
(SINGAPORE)	419.044.500	-	344.955.195	-
PTE.LTD.				
Trả trước cho người bán				
ngắn hạn khác	1.950.393.605	-	2.691.281.505	-
	<u>13.510.129.719</u>	<u>-</u>	<u>3.036.236.700</u>	<u>-</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a) <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	393.714.521	-	239.259.726	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	6.127.740	-	-	-
	<b>399.842.261</b>	<b>-</b>	<b>239.259.726</b>	<b>-</b>
b) <b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Phải thu khác	366.600.000	-	366.600.000	-
	<b>366.600.000</b>	<b>-</b>	<b>366.600.000</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.800.434.040	-	83.117.915.681	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.016.481.806	-	1.595.323.812	-
Thành phẩm	6.312.985.224	-	3.410.140.536	-
Hàng hoá	12.398.367.651	-	17.999.770.566	-
	<b>100.528.268.721</b>	<b>-</b>	<b>106.123.150.595</b>	<b>-</b>

**11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.282.917.563	16.224.687.253
Xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 10B Tràng Thi	5.282.917.563	5.473.523.028
Hệ thống băng tải treo	-	5.006.750.000
Hệ thống sân kho phân xưởng khung	-	5.744.414.225
Mua sắm tài sản cố định	400.000.000	400.000.000
Chương trình phần mềm	400.000.000	400.000.000
	<b>5.682.917.563</b>	<b>16.624.687.253</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

MẪU SỐ B 09-DN  
Bảo cáo tài chính  
Quý 1 năm 2026

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác		TSCĐ hình thành từ quỹ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2026	58.736.663.655	41.640.117.423	7.041.672.193	3.081.759.299	-	-	110.500.212.570
Mua sắm	7.862.107.816	7.341.386.428	-	31.944.444	-	-	15.235.438.688
Tại ngày 31/03/2026	66.598.771.471	48.981.503.851	7.041.672.193	3.113.703.743	-	-	125.735.651.258
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2026	21.961.984.747	26.876.569.870	3.025.424.007	1.871.128.687	-	-	53.735.107.311
Trích khấu hao	361.505.187	735.076.353	174.125.771	347.864.119	-	-	1.618.571.430
Tại ngày 31/03/2026	22.323.489.934	27.611.646.223	3.199.549.778	2.218.992.806	-	-	55.353.678.741
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	36.774.678.908	14.763.547.553	4.016.248.186	1.210.630.612	-	-	56.765.105.259
Tại ngày 31/03/2026	44.275.281.537	21.369.857.628	3.842.122.415	894.710.937	-	-	70.381.972.517



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
<b>a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	931.231.666	128.172.662
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.930.969.275	265.774.330
	<b>2.862.200.941</b>	<b>393.946.992</b>
<b>b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn</b>		
Chi phí quảng cáo, truyền thông, phân tích thị trường	219.875.385	189.933.432
Công cụ dụng cụ xuất dùng	318.367.962	275.013.592
Giá trị thương hiệu	357.268.018	308.616.358
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	2.198.230.752	1.898.882.450
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	891.775.051	770.335.868
	<b>3.985.517.168</b>	<b>3.442.781.700</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty cao su Kenda (Việt Nam)	3.151.546.920	3.151.546.920	2.816.987.760	2.816.987.760
CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT MI YANG	1.829.936.070	1.829.936.070	-	-
Công ty TNHH DHP Việt Nam	1.545.119.686	1.545.119.686	1.988.694.778	1.988.694.778
Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	1.113.252.801	1.113.252.801	612.512.172	612.512.172
Phải trả khác	10.929.519.257	10.929.519.257	24.273.891.866	24.273.891.866
	<b>18.569.374.734</b>	<b>18.569.374.734</b>	<b>29.692.086.576</b>	<b>29.692.086.576</b>

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.537.427.944	2.600.287.650	62.859.706	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	3.000.045.423	3.089.466.641	89.421.218	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	231.264.266	944.627.309	198.520.351	-	977.371.224
Thuế Thu nhập cá nhân	-	42.759.215	5.901.695	4.485.412	-	44.175.498
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	323.057.967	-	3.237.375.488	-	-	2.914.317.521
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.879.034	46.172.426	58.450.587	-	6.600.873
	323.057.967	292.902.515	9.771.550.285	6.149.730.992	152.280.924	3.942.465.116

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	72.703.427
Chi phí phải trả khác	-	362.467.427
	-	435.170.854

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	64.753.493	26.187.617
	64.753.493	26.187.617

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/03/2026			Trong năm		01/01/2026
	Giá trị			Tăng		Giảm
	VND			VND		VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	33.815.358.756	19.356.228.183	16.445.731.217			30.904.861.790
Ngân hàng TMCP Quân Đội	21.413.135.344	4.477.498.114	20.576.927.495			37.512.564.725
	<b>55.228.494.100</b>	<b>23.833.726.297</b>	<b>37.022.658.712</b>			<b>68.417.426.515</b>

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

- - -

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân khác của Công ty như sau:

Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/03/2026	01/01/2026
		VND	VND
Theo Giấy nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	33.815.358.756	30.904.861.790
Theo Giấy nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	21.413.135.344	37.512.564.725
		<b>55.228.494.100</b>	<b>68.417.426.515</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND		VND	VND		VND		VND
Quý 1 Năm 2025											
Tại ngày 01/01/2025	237.000.000.000		7.592.767	-		-	-		(20.002.749.763)		217.004.843.004
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-		-	-		-	-		(376.495.940)		(376.495.940)
Tại ngày 31/03/2025	237.000.000.000		7.592.767	-		-	-		(20.379.245.703)		216.628.347.064
Quý 1 Năm 2026											
Tại ngày 01/01/2026	237.000.000.000		7.592.767	-		-	-		13.396.012.147		250.403.604.914
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-	-		-	-		3.778.509.236		3.778.509.236
Phân phối lợi nhuận	-		-	-		3.339.876.191	-		(6.679.752.382)		(3.339.876.191)
Tại ngày 31/03/2026	237.000.000.000		7.592.767	-		3.339.876.191	-		10.494.769.001		250.842.237.959

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-DHDCD ngày 26/02/2026, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	13.396.012.147
Trích Quỹ đầu tư phát triển	24,93%	3.339.876.191
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24,93%	3.339.876.191
Chi trả cổ tức	17,69%	2.370.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	32,44%	4.346.259.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2026	Tỷ lệ (%)
	VND	
UBND Thành phố Hà Nội	106.650.000.000	45,00%
Công ty TNHH Đại Hoàng Long	98.792.250.000	41,68%
Cổ đông khác	31.557.750.000	13,32%
	<b>237.000.000.000</b>	<b>100%</b>

	01/01/2026	Tỷ lệ (%)
	VND	
	106.650.000.000	45,00%
	98.792.250.000	41,68%
	31.557.750.000	13,32%
	<b>237.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	237.000.000.000	237.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.700.000	23.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	86.589.096.296	28.192.808.239
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	7.685.186
	<u><b>86.589.096.296</b></u>	<u><b>28.200.493.425</b></u>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	29.467.365	8.236.968
	<u><b>29.467.365</b></u>	<u><b>8.236.968</b></u>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	72.834.292.655	22.626.581.647
	<u><b>72.834.292.655</b></u>	<u><b>22.626.581.647</b></u>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	156.101.147	74.347.617
	<u><b>156.101.147</b></u>	<u><b>74.347.617</b></u>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	604.779.058	936.271.979
	<u><b>604.779.058</b></u>	<u><b>936.271.979</b></u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công cụ, đồ dùng	353.895.084	276.534.733
Chi phí nhân công	1.011.344.554	545.623.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.291.463	112.518.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.868.667.295	1.565.987.189
	<u><b>4.368.198.396</b></u>	<u><b>2.500.664.611</b></u>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.262.233	327.842.816
Chi phí nhân công	2.119.182.975	1.502.313.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.662.164	228.751.696
Thuế, phí, lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.117.465.438	436.117.073
Chi phí khác bằng tiền	428.668.166	80.557.187
	<u><b>4.181.240.976</b></u>	<u><b>2.579.581.777</b></u>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	3.638.981	-
	<u><b>3.638.981</b></u>	<u><b>-</b></u>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khác	7.721.429	-
	<u><b>7.721.429</b></u>	<u><b>-</b></u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.723.136.545	(376.495.940)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.723.136.545	(376.495.940)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>944.627.309</u></b>	<b><u>-</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	231.264.266	32.743.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	198.520.351	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>977.371.224</u></b>	<b><u>32.743.913</u></b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Quý 1 Năm 2026</u>	<u>Quý 1 Năm 2025</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.778.509.236	(376.495.940)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.778.509.236	(376.495.940)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	23.700.000	23.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>159</u></b>	<b><u>(16)</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nội dung	Mối quan hệ	Quý 1 Năm	Quý 1 Năm
		2026	2025
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đinh Vũ Minh Việt	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	106.039.154	92.206.846
Phí Trọng Thành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám	101.596.846	83.184.231
Vũ Thị Phương	Thành viên HĐQT	58.553.827	46.238.481
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	64.326.773	50.878.327
Trần Thành Trung	Kế toán trưởng	64.326.773	51.594.923
Thu nhập của Ban Kiểm soát			
Nguyễn Hồng Thủy	Trưởng ban Kiểm soát	57.941.538	45.249.612
Chu Văn Vượng	Thành viên Ban Kiểm soát	65.919.773	52.311.519
Đỗ Thị Chúc	Thành viên Ban Kiểm soát	54.111.519	41.451.231

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Báo cáo tình hình tài chính Quý 1 năm 2026 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam theo Báo cáo kiểm toán số 113/BCKT-TC/AVA.NV8 ngày 20/01/2026. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 do Công ty lập.



Trần Thành Trung  
Người lập



Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026